

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG BẮM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *130* /QĐ-UBND

Đồng Bầm, ngày *06* tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách
6 tháng đầu năm 2023 và quý II năm 2023 của phường Đồng Bầm**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐỒNG BẮM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Theo đề nghị của Công chức Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán UBND phường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thu, chi ngân sách phường Đồng Bầm 6 tháng đầu năm 2023 và quý II năm 2023 (Có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn phòng - Thống kê, Tài chính - Kế toán, các bộ phận chuyên môn, tập thể, cá nhân có liên quan thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Phòng Tài chính thành phố;
- TT Đảng ủy, HĐND phường;
- Các ban, ngành đoàn thể;
- Các TDP;
- Như điều 3;
- Lưu: VP; KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Anh Tuấn

Số: **59** /TB-UBND

Đồng Bầm, ngày **06** tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai công khai thu, chi ngân sách phường Đồng Bầm 6 tháng đầu năm 2023 và quý II năm 2023

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số **130** /QĐ-UBND ngày **06** tháng 7 năm 2023 của UBND phường Đồng Bầm về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách phường Đồng Bầm 6 tháng năm 2023 và quý II năm 2023,

1. Nội dung niêm yết công khai

UBND phường Đồng Bầm tổ chức niêm yết công khai thu, chi ngân sách phường Đồng Bầm 6 tháng đầu năm 2023 và quý II năm 2023.

- Cân đối thu chi ngân sách phường 6 tháng đầu năm 2023 và quý II năm 2023 (Biểu số 113)

- Ước thực hiện thu ngân sách phường 6 tháng đầu năm 2023 và quý II năm 2023 (Biểu số 114)

- Ước thực hiện chi ngân sách phường 6 tháng đầu năm 2023 và quý II năm 2023 (Biểu số 115)

2. Hình thức công khai

- Niêm yết công khai tại trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND phường;

- Thông báo bằng văn bản cho phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Thái Nguyên, thường trực Đảng ủy, HĐND, UB MTTQ, các tổ chức chính trị xã hội và tổ trưởng các tổ dân phố trong phường.

3. Thời gian công khai: 30 ngày liên tục kể từ ngày **17/2023** đến hết ngày **18/2023**.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**Niêm yết công khai công thu chi ngân sách phường Đồng Bầm
6 tháng đầu năm 2023 và quý II năm 2023**

Hôm nay vào lúc 7h30, ngày 06 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở UBND phường Đồng Bầm, chúng tôi gồm có:

I. Đại diện UBND phường Đồng Bầm

- | | |
|---------------------------|---|
| 1. Ông: Đỗ Anh Tuấn | Chức vụ: Chủ tịch UBND phường |
| 2. Bà: Vũ Quỳnh Nga | Chức vụ: Công chức Văn phòng - Thống kê |
| 4. Bà: Nguyễn Thị Nga | Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán |
| 5. Bà: Nguyễn Huyền Trang | Chức vụ: Công chức Tư pháp - Hộ tịch |

II. Đại diện UB MTTQ phường Đồng Bầm

- | | |
|---------------------------|--------------------------------------|
| 1. Ông: Đỗ Tiến Hòa | Chức vụ: Chủ tịch UB MTTQ phường |
| 2. Bà: Đặng Thị Minh Hoan | Chức vụ: Phó chủ tịch UB MTTQ phường |

III. Đại diện HĐND phường Đồng Bầm

- | | |
|------------------------------|-----------------------------------|
| 1. Bà: Lê Thị Thu Hiền | Chức vụ: Chủ tịch HĐND phường |
| 2. Bà: Trương Thị Nguyệt Ánh | Chức vụ: Phó chủ tịch HĐND phường |

Tổ chức niêm yết công khai thu, chi ngân sách phường Đồng Bầm 6 tháng đầu năm 2023 và quý II năm 2023, hồ sơ gồm có:

1. Thông báo số 59 /TB-UBND ngày 06/7/2023 của UBND phường Đồng Bầm.
2. Các biểu mẫu liên quan.

Địa điểm niêm yết: Bảng tin của UBND phường (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả).

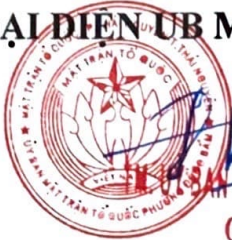
Thời gian bắt đầu niêm yết: Từ ngày 06 tháng 7 năm 2023.

Thời điểm kết thúc niêm yết: Hết ngày 04 tháng 8 năm 2023.

Nơi tiếp nhận phản hồi (nếu có): Văn phòng UBND phường Đồng Bầm./.

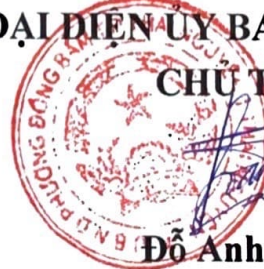
Biên bản lập xong hồi 9h00" cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua và ký xác nhận./.

ĐẠI DIỆN UB MTTQ PHƯỜNG



CHỦ TỊCH
Đỗ Tiến Hoà

ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH
Đỗ Anh Tuấn

ĐẠI DIỆN HĐND PHƯỜNG





CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	8.046.088.402	5.216.867.946	64,84
1.	Các khoản thu 100%	60.000.000	49.024.058	81,71
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.835.000.000	666.755.486	36,34
3.	Thu chuyển nguồn	2.677.207.402	2.677.207.402	100
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.473.881.000	1.823.881.000	52,5
II.	Tổng số chi		2.262.743.472	
	- Bổ sung cân đối ngân sách	3.400.545.000	1.750.545.000	51,48
	- Bổ sung có mục tiêu	73.336.000	73.336.000	100
1.	Chi đầu tư phát triển			
2.	Chi thường xuyên		2.262.743.472	
3.	Dự phòng			



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ
Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	11.463.088.402	8.046.088.402	6.592.058.669	5.216.867.946	58	65
I. Các khoản thu 100%	60.000.000	60.000.000	49.024.058	49.024.058	82	82
- Phí, lệ phí	60.000.000	60.000.000	35.140.400	35.140.400	59	59
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			2.640.000	2.640.000		
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			450.000	450.000		
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác			10.793.658	10.793.658		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	5.252.000.000	1.835.000.000	2.041.946.209	666.755.486	39	36
1. Các khoản thu phân chia	1.295.000.000	567.200.000	496.870.305	245.050.216	38	43
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300.000.000	150.000.000	260.820.398	130.410.252	87	87
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	32.000.000	32.000.000	33.700.000	33.700.000	105	105
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	963.000.000	385.200.000	202.349.907	80.939.964	21	21
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	3.957.000.000	1.267.800.000	1.545.075.904	421.705.270	39	33
- Thuế giá trị gia tăng	950.000.000	285.000.000	574.834.584	165.552.398	61	58
- Thuế tiêu thụ đặc biệt			18.152.356			
- Thuế thu nhập cá nhân từ đất	2.457.000.000	982.800.000	667.064.746	256.152.872	27	26
- Thuế thu nhập cá nhân từ hộ	550.000.000		283.211.055		51	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
- Thu tiền chậm nộp thuế			1.813.163			
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
IV. Thu chuyển nguồn	2.677.207.402	2.677.207.402	2.677.207.402	2.677.207.402	100	100
- Bổ sung cân đối ngân sách	3.400.545.000	3.400.545.000	1.750.545.000	1.750.545.000	51	51
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.473.881.000	3.473.881.000	1.823.881.000	1.823.881.000	53	53
- Bổ sung có mục tiêu	73.336.000	73.336.000	73.336.000	73.336.000	100	100

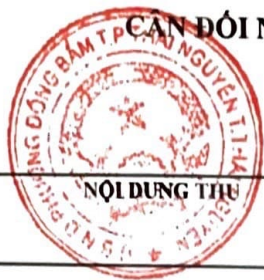


ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Từ tháng 1 đến tháng 6 Năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
Tổng chi	5.280.615.000	-	5.280.615.000	2.262.743.472	-	2.262.743.472	42,85		42,85
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	843.202.896	-	843.202.896	427.191.320	-	427.191.320	50,66		50,66
- Chi dân quân tự vệ	452.053.296	-	452.053.296	246.587.720	-	246.587.720	54,55		54,55
- Chi trật tự an toàn xã hội	391.149.600	-	391.149.600	180.603.600	-	180.603.600	46,17		46,17
2. Chi giáo dục	-	-	-	-	-	-			
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-	-	-	-	-	-			
4. Chi y tế	-	-	-	-	-	-			
5. Chi văn hóa, thông tin	35.000.000	-	35.000.000	6.461.000	-	6.461.000	18,46		18,46
6. Chi phát thanh, truyền hình	-	-	-	-	-	-			
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000	-	25.000.000	9.200.000	-	9.200.000	36,80		36,80
8. Chi bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-			
9. Chi các hoạt động kinh tế	-	-	-	-	-	-			
- Giao thông	-	-	-	-	-	-			
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	-	-	-	-	-	-			
- Thị chính	-	-	-	-	-	-			
- Thương mại, du lịch	-	-	-	-	-	-			
- Các hoạt động kinh tế khác	-	-	-	-	-	-			
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.072.383.904	-	4.072.383.904	1.691.108.152	-	1.691.108.152	41,53		41,53
10.1. Quản lý Nhà nước	2.252.265.133	-	2.252.265.133	847.667.888	-	847.667.888	37,64		37,64
10.2. Hội đồng nhân dân	294.507.238	-	294.507.238	123.581.354	-	123.581.354	41,96		41,96
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	597.911.373	-	597.911.373	288.429.857	-	288.429.857	48,24		48,24
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	330.573.600	-	330.573.600	120.751.800	-	120.751.800	36,53		36,53
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	102.104.736	-	102.104.736	51.547.862	-	51.547.862	50,49		50,49
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	103.629.004	-	103.629.004	51.213.981	-	51.213.981	49,42		49,42
10.7. Hội Cựu chiến binh	78.239.400	-	78.239.400	36.324.700	-	36.324.700	46,43		46,43
10.8. Hội Nông dân	173.004.620	-	173.004.620	102.052.310	-	102.052.310	58,99		58,99
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	27.104.800	-	27.104.800	13.052.400	-	13.052.400	48,16		48,16
10.10. Hội Người cao tuổi	44.676.000	-	44.676.000	32.348.000	-	32.348.000	72,41		72,41
10.11. Hội Đặc thù	68.368.000	-	68.368.000	24.138.000	-	24.138.000	35,31		35,31
10.12. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	-	-	-	-	-	-			
11. Chi cho công tác xã hội	305.028.200	-	305.028.200	128.783.000	-	128.783.000	42,22		42,22
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	203.116.200	-	203.116.200	98.742.000	-	98.742.000	48,61		48,61
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	-	-	-	-	-	-			
- Trợ cấp xã hội	-	-	-	-	-	-			
- Khác	101.912.000	-	101.912.000	30.041.000	-	30.041.000	29,48		29,48
12. Chi khác (Chi nộp hoàn trả NS cấp trên)	-	-	-	-	-	-			
13. Dự phòng	-	-	-	-	-	-			
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	-	-	-	-	-	-			



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ (6 THÁNG, NĂM)

Quý 2 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG TIÊU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	8.046.088.402	1.357.997.414	17
1.	Các khoản thu 100%	60.000.000	21.288.658	35
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.835.000.000	458.372.756	25
3.	Thu chuyển nguồn	2.677.207.402	0	
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.473.881.000	878.336.000	25
II.	Tổng số chi		1.218.541.922	
	- Bổ sung cân đối ngân sách	3.400.545.000	825.000.000	24
	- Bổ sung có mục tiêu	73.336.000	53.336.000	73
1.	Chi đầu tư phát triển			
2.	Chi thường xuyên		1.218.541.922	
3.	Dự phòng			

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ
Quý 2 Năm 2023

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	11.463.088.402	8.046.088.402	2.206.812.699	1.357.997.414	19	17
I. Các khoản thu 100%	60.000.000	60.000.000	21.288.658	21.288.658	35	35
- Phí, lệ phí	60.000.000	60.000.000	10.495.000	10.495.000	17	17
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác			10.793.658	10.793.658		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	5.252.000.000	1.835.000.000	1.307.188.041	458.372.756	25	25
1. Các khoản thu phân chia	1.295.000.000	567.200.000	417.979.836	194.474.028	32	34
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300.000.000	150.000.000	260.820.398	130.410.252	87	87
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	32.000.000	32.000.000	2.000.000	2.000.000	6	6
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	963.000.000	385.200.000	155.159.438	62.063.776	16	16
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	3.957.000.000	1.267.800.000	889.208.205	263.898.728	22	21
- Thuế giá trị gia tăng	950.000.000	285.000.000	262.813.774	75.690.387	28	27
- Thuế tiêu thụ đặc biệt			9.076.156			
- Thuế thu nhập cá nhân từ đất	2.457.000.000	982.800.000	490.125.870	188.208.341	20	19
- Thuế thu nhập cá nhân từ hộ	550.000.000		125.388.318		23	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
- Thu tiền chậm nộp thuế			1.804.087			
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
IV. Thu chuyển nguồn	2.677.207.402	2.677.207.402				
- Bổ sung cân đối ngân sách	3.400.545.000	3.400.545.000	825.000.000	825.000.000	24	24
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.473.881.000	3.473.881.000	878.336.000	878.336.000	25	25
- Bổ sung có mục tiêu	73.336.000	73.336.000	53.336.000	53.336.000	73	73

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Quý 2 Năm 2023

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Dự toán			Ước thực hiện			So sánh (%)		
	Tổng số	DTPT	TX	Tổng số	DTPT	TX	Tổng số	DTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8	9=6/3
Tổng chỉ	5.288.615.000	-	5.288.615.000	1.218.541.922	-	1.218.541.922	23,08	0	23,08
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	843.202.896	-	843.202.896	286.000.860	-	286.000.860	33,92		33,92
- Chi dân quân tự vệ	452.053.296	-	452.053.296	193.858.860	-	193.858.860	42,88		42,88
- Chi trật tự an toàn xã hội	391.149.600	-	391.149.600	92.142.000	-	92.142.000	23,56		23,56
2. Chi giáo dục	-	-	-	-	-	-	-		
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	-	-	-	-	-	-	-		
4. Chi y tế	-	-	-	-	-	-	-		
5. Chi văn hóa, thông tin	35.000.000	-	35.000.000	900.000	-	900.000	2,57		2,57
6. Chi phát thanh, truyền hình	-	-	-	-	-	-	-		
7. Chi thể dục, thể thao	25.000.000	-	25.000.000	-	-	-	-		-
8. Chi bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-	-		
9. Chi các hoạt động kinh tế	-	-	-	-	-	-	-		
- Giao thông	-	-	-	-	-	-	-		
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	-	-	-	-	-	-	-		
- Thị chính	-	-	-	-	-	-	-		
- Thương mại, du lịch	-	-	-	-	-	-	-		
- Các hoạt động kinh tế khác	-	-	-	-	-	-	-		
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.072.383.904	-	4.072.383.904	862.957.062	-	862.957.062	21,19		21,19
10.1. Quản lý Nhà nước	2.252.265.133	-	2.252.265.133	440.440.780	-	440.440.780	19,56		19,56
10.2. Hội đồng nhân dân	294.507.238	-	294.507.238	69.911.177	-	69.911.177	23,74		23,74
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	597.911.373	-	597.911.373	135.713.329	-	135.713.329	22,70		22,70
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	330.573.600	-	330.573.600	61.658.400	-	61.658.400	18,65		18,65
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	102.104.736	-	102.104.736	22.751.181	-	22.751.181	22,28		22,28
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	103.629.004	-	103.629.004	22.406.990	-	22.406.990	21,62		21,62
10.7. Hội Cựu chiến binh	78.239.400	-	78.239.400	19.539.850	-	19.539.850	24,97		24,97
10.8. Hội Nông dân	173.004.620	-	173.004.620	66.576.155	-	66.576.155	38,48		38,48
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	27.104.800	-	27.104.800	6.526.200	-	6.526.200	24,08		24,08
10.10. Hội Người cao tuổi	44.676.000	-	44.676.000	5.364.000	-	5.364.000	12,01		12,01
10.11. Hội Đặc thù	68.368.000	-	68.368.000	12.069.000	-	12.069.000	17,65		17,65
10.12. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	-	-	-	-	-	-	-		
11. Chi cho công tác xã hội	305.028.200	-	305.028.200	68.684.000	-	68.684.000	22,52		22,52
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	203.116.200	-	203.116.200	49.371.000	-	49.371.000	24,31		24,31
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	-	-	-	-	-	-	-		
- Trợ cấp xã hội	-	-	-	-	-	-	-		
- Khác	101.912.000	-	101.912.000	19.313.000	-	19.313.000	18,95		18,95
12. Chi khác (Chi nộp hoàn trả NS cấp trên)	-	-	-	-	-	-	-		
13. Dự phòng	-	-	-	-	-	-	-		
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	-	-	-	-	-	-	-		

Đồng Bầm, ngày 06 tháng 7 năm 2023

CÔNG KHAI THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách phường Đồng Bầm 6 tháng đầu năm 2023

1. Thu ngân sách nhà nước

1.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023 được giao là 5.312.000.000 đồng. Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 2.090.970.267 đồng bằng 39,36% kế hoạch giao. Trong đó:

- Các khoản thu 100%: 49.024.058 đồng/60.000.000 đồng đạt 82% kế hoạch giao.

- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh: 33.700.000 đồng/32.000.000 đồng đạt 105% kế hoạch giao.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 260.820.398 đồng/300.000.000 đồng đạt 87% kế hoạch giao.

- Lệ phí trước bạ nhà, đất: 202.349.907 đồng/963.000.000 đồng đạt 21% kế hoạch giao.

- Thuế giá trị gia tăng: 574.834.584 đồng/950.000.000 đồng đạt 61% kế hoạch giao.

- Thuế Tiêu thụ đặc biệt: 18.152.356 đồng.

- Thuế thu nhập cá nhân từ đất: 667.064.746 đồng/2.457.000.000 đồng đạt 27% kế hoạch giao.

- Thuế thu nhập cá nhân từ hộ: 283.211.055 đồng/550.000.000 đồng đạt 51% kế hoạch giao.

1.2. Thu ngân sách phường được hưởng

Dự toán thu ngân sách phường năm 2023 được giao là 1.895.000.000 đồng. Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 715.779.486 đồng bằng 37,77% kế hoạch giao. Trong đó:

- Các khoản thu 100%: 49.024.058 đồng/60.000.000 đồng đạt 82% kế hoạch giao.

- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh: 33.700.000 đồng/32.000.000 đồng đạt 105% kế hoạch giao.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 130.410.252 đồng/150.000.000 đồng đạt 87% kế hoạch giao.

- Lệ phí trước bạ nhà, đất: 80.939.964 đồng/385.200.000 đồng đạt 21% kế hoạch giao.

- Thuế giá trị gia tăng: 165.552.398 đồng/285.000.000 đồng đạt 58% kế hoạch giao.

- Thuế thu nhập cá nhân từ đất: 256.152.872 đồng/982.800.000 đồng đạt 26% kế hoạch giao.

2. Chi ngân sách

Dự toán chi ngân sách được giao 5.280.615.000 đồng. Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2.262.743.472 đồng đạt 42,85% kế hoạch giao. Cụ thể như sau:

- Chi dân quân tự vệ: 246.587.720 đồng/452.053.296 đồng đạt 54,55% kế hoạch giao.

- Chi trật tự an toàn xã hội: 180.603.600 đồng/391.149.600 đồng đạt 46,17% kế hoạch giao.

- Chi văn hóa, thông tin: 6.461.000 đồng/35.000.000 đồng đạt 18,46% kế hoạch giao.

- Chi thể dục, thể thao: 9.200.000 đồng/25.000.000 đồng đạt 36,8% kế hoạch giao.

- Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: 1.691.108.152 đồng/4.072.383.904 đồng đạt 41,53% kế hoạch giao

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Nga



CHỦ TỊCH UBND

Đỗ Anh Tuấn

Đồng Bầm, ngày 06 tháng 7 năm 2023

THUYẾT MINH

**Công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách
quý II năm 2023 của phường Đồng Bầm**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND phường thực hiện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách phường quý II năm 2023 như sau:

1. Thu ngân sách quý II năm 2023:

- Thu NSNN quý II thực hiện: 2.206.812.699đ/11.463.088.402 đ= 19%

- Thu NS phường quý II thực hiện: 1.357.997.414 đ/8.046.088.402đ = 17%

Các khoản thu hưởng điều tiết đạt 479.661.414đồng/1.835.000.000 đồng = 26,13% dự toán. Trong đó, một số khoản thu đạt tỷ lệ cao như: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế GTGT ...

2. Chi ngân sách quý II năm 2023:

Tổng chi thường xuyên ngân sách đạt 1.218.541.922 đồng/5.280.615.000 đồng = 23,08% dự toán.

3. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân quý II năm 2023:

Có được kết quả thu - chi ngân sách trên là do ngay từ đầu năm 2023 UBND phường đã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách năm 2023 theo đúng thời gian quy định, đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Hàng tháng, họp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tháng, của quý và đề ra phương hướng, giải pháp để thực hiện nhiệm tiếp theo của năm. Đảng ủy, HĐND - UBND cùng các ban ngành đoàn thể tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tiết kiệm chi tiêu, chống thất thu ngân sách, thực hiện cải cách hành chính đã tạo điều kiện thực hiện tốt dự toán ngân sách được giao.

Trong quý II năm 2023, UBND phường thực hiện các khoản chi thường xuyên bám sát so với dự toán đầu năm, thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản chi theo chế độ chính sách của nhà nước để chi trả cho các nhiệm vụ đảm bảo không

bị nợ đọng. Nói chung, trong quý II năm 2023 đảm bảo các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương.

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Nga



CHỦ TỊCH UBND

Đỗ Anh Tuấn